

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/DS-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Phi Vân
Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 257/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ C, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (Nay là phường P, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn G, xã G, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là xã V, thành phố H); có mặt

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1970 và ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1966; Cùng địa chỉ: Tổ D, khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà L và vợ chồng ông H1, bà T có quen biết ngoài xã hội. Ông H1, bà T có hỏi vay bà L số tiền 450.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Bà L đồng ý. Ngày 23/5/2025, bà L và ông H1, bà T lập Giấy vay tiền thể hiện bà ông H1, bà T có vay của bà L số tiền 450.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời gian vay là 07 ngày. Ngày 29/5/2025, bà L và ông H1, bà T ký hợp đồng vay tiền số công chứng 1756 quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/5/2025 của Văn phòng C với thời hạn vay là 02 ngày kể từ ngày 29/5/2025. Giấy vay tiền ngày 23/5/2025 và Giấy vay tiền ngày 29/5/2025 là cùng là khoản nợ 450.000.000 đồng ông H1, bà T vay của bà L. Sở dĩ có hai Giấy vay tiền trên là do, bà T và ông H1 xin gia hạn nợ nên lập lại Giấy vay tiền ngày 29/5/2025.

Quá thời hạn thỏa thuận trả nợ, ông H1, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên bà L khởi kiện yêu cầu ông H1, bà T trả số tiền đã vay là 450.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

Các bị đơn – ông Phạm Xuân H1, bà Lê Thị T đã được tổng đạt văn bản tố tụng tham gia các phiên họp và phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay 450.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng vay tiền ngày 29/5/2025 được công chứng tại Văn phòng C có nội dung: Bà L cho ông H1, bà T vay 450.000.000 đồng, thời hạn vay 02 ngày, không lãi suất. Do đó khoản vay trên được xác định là vay có kỳ hạn và không lãi suất.

Ngoài hợp đồng vay nêu trên, nguyên đơn còn cung cấp Giấy vay tiền viết tay ngày 23/5/2025 theo đó có nội dung vợ chồng bị đơn vay nguyên đơn số tiền 450.000.000 đồng, hạn 07 ngày trả cả gốc và lãi. Tuy nhiên đối chiếu chữ ký và chữ viết của các bị đơn trên Giấy vay tiền ngày 23/5/2025 không trùng khớp với chữ viết và chữ ký của các bị đơn trên Hợp đồng vay ngày 29/5/2025. Do đó không có căn cứ chấp nhận chứng cứ là Giấy vay ngày 23/5/2025 do nguyên đơn giao nộp.

Tại Điều 1 của Hợp đồng vay ngày 29/5/2025 quy định: “Việc giao nhận số tiền vay nêu trên do hai bên tự thực hiện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trước khi ký hợp đồng này và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên ký tên dưới đây. Khi giao nhận tiền hai bên tự làm biên nhận tiền”.

Xét thấy ngoài Hợp đồng vay tiền ngày 29/5/2025, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh đã giao số tiền vay cho bị đơn tuy nhiên nguyên đơn xác định đã cho bị đơn vay tiền và đã giao nhận số tiền vay nêu trên trước ngày các bên ký hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với nội dung tại Điều 1 của HĐ “*Việc giao nhận số tiền vay nêu trên do hai bên tự thực hiện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trước khi ký hợp đồng này...*”. Mặt khác, bị đơn dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi trước những yêu cầu, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra, được xem như thống nhất với yêu cầu khởi kiện theo Điều 92 BLTTDS. Do đó có căn cứ cho rằng bị đơn có vay và có nhận của nguyên đơn số tiền vay 450.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng vay thể hiện thời hạn vay là 02 ngày tức đến ngày 31/5/2025, bị đơn phải trả tiền vay cho nguyên đơn. Tuy nhiên, hết thời hạn vay nhưng phía bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã vay là vi phạm thỏa thuận giữa các bên. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay nợ 450.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[2] Bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H1, bà T trả số tiền vay là 450.000.000 đồng theo nội dung Giấy vay tiền ngày 23/5/2025 và Giấy vay tiền ngày 29/5/2025.

Tại Giấy vay tiền ngày 29/5/2025 số công chứng 1756 quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C thể hiện: Bà L đồng ý cho ông H1, bà T vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 02 ngày kể từ ngày 29/5/2025, vay không lãi suất, việc giao nhận số tiền vay nêu trên do hai bên tự thực hiện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trước khi ký hợp đồng này và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên ký tên dưới đây. Khi giao nhận tiền hai bên tự làm biên nhận tiền.

Tại Giấy vay tiền ngày 23/5/2025 thể hiện nội dung: Lê Thị T và Phạm Xuân H1, chúng tôi có vay của chị Đặng Thị L số tiền 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng hẹn 7 ngày trả cả gốc lẫn lãi. Nếu sai tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm (Bà L ký tên và ghi họ tên Đặng Thị L dưới mục bên cho mượn; bà

T ký tên, in dấu vân tay và ghi họ tên Lê Thị T; ông Phạm Xuân H1 in dấu vân tay và ghi họ tên Phạm Xuân H1).

Xét thấy, tại nội dung Giấy vay tiền ngày 29/5/2025 không thể hiện việc giao nhận tiền giữa bên cho vay và bên vay, tuy nhiên, tại nội dung Giấy vay tiền ngày 23/5/2025 thể hiện bà T, ông H1 có vay của bà L số tiền 450.000.000 đồng. Bà L đã được Tòa án giải thích về việc cần thiết trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bà T, ông H1 trên Giấy vay tiền ngày 23/5/2025 có phải của bà T, ông H1 hay không nhưng bà L không có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia các phiên họp và phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem như các bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”* Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Nội dung Giấy vay tiền ngày 23/5/2025 thể hiện ông H1, bà T có vay của bà L số tiền 450.000.000 đồng. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu ông H1, bà T trả số tiền 450.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 39, 91, 147, 227, 228 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L. Buộc ông Phạm Xuân H1 và bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị L số tiền 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Xuân H1 và bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới chịu án phí sơ thẩm là 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng.

- Bà Đặng Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Đặng Thị L số tiền 11.000.000 (Mười một triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002790 ngày 11/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (để thi hành án);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Trúc